TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 12-9-2024
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Thuý Lan

2. Bà Hoàng Lệ Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 246/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/6/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H; sinh năm 1989; thường trú: F đường N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh T; sinh năm 1987; thường trú: F đường N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Minh T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2014, quyển số: 03/2009 ngày 08/4/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà về sống tại F đường N, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương cho đến nay. Thời gian đầu,vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2022 vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng có bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên cãi vả với nhau mặc dù đã cố gắng hòa giải và nỗ lực hàn gắn tình

cảm nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thể hòa giải được. Nay bà H xác nhận tình cảm giữa bà và ông Nguyễn Minh T không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 21/5/2016 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 27/11/2019. Hiện các cháu đang sống cùng ông T và bà H. Sau khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Minh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Minh T:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải bằng hình thức niêm yết công khai và yêu cầu ông Nguyễn Minh T có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với các yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị H nhưng ông T không có ý kiến cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Tòa án triệu tập ông T tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tham gia hòa giải vào ngày 22/7/2024 nhưng ông T vắng mặt không có lý do, đồng thời cũng không có ý kiến, không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ gì để thể hiện ông T đồng ý hay không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà H.

- *Tòa án xác minh tình trạng hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Minh T tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường D và được cung cấp như sau*: Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa án, bà Lê Thị H không có đơn yêu cầu Hội liên hiệp phụ nữ phường D tiến hành hòa giải. Hội liên hiệp phụ nữ phường D, thành phố D cũng không có thông tin trình báo về mâu thuẫn giữa vợ, chồng bà Lê Thị H và ông Nguyễn Minh T. Vì vậy, về tình trạng quan hệ hôn nhân, nghề nghiệp, nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông, bà thì Hội liên hiệp phụ nữ phường D không biết được.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:* Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc tiến hành tố tụng đã đảm bảo tuân thủ pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T đã có những mâu thuẫn trầm trọng. Sau khi bà H nộp đơn ly hôn, Tòa án đã triệu tập ông T đến Tòa nhiều lần nhưng ông T không đến, chứng tỏ ông T cũng không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà H. Do vậy, việc bà H yêu cầu ly hôn là có cơ sở. Về con chung: Các con chung đang sống cùng ông T và bà H, cháu Nguyễn Minh T1 có nguyện vọng sau khi ba mẹ ly hôn được ở với ba, tuy nhiên xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt cũng không trình bày ý kiến về việc sau khi ly hôn muốn nuôi dưỡng cháu T1, cháu Nguyễn Minh T2 hiện đang còn nhỏ dưới 7 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao các con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung do các đương sự không tranh chấp nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn ông Nguyễn Minh T đã được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt 02 lần liên tiếp không có lý do. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Minh T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2014, quyển số: 03/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 08/4/2014 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào lời khai của bà H thì thực tế cuộc sống vợ chồng của bà và ông T có nhiều mâu thuẫn trầm trọng từ năm 2022 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng có bất đồng trong quan điểm sống nên thường xuyên cải vã nhau. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập ông T đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T không đến tham gia hòa giải, điều này càng chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và chính ông T cũng không quan tâm và không muốn hàn gắn. Vì vậy, bà H yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Giữa bà Lê Thị H và ông Nguyễn Minh T có 02 con chung là Nguyễn Minh T1, sinh ngày 21/5/2016 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 27/11/2019. Khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung. Xét, các con chung hiện đang sống với ông T và bà H. Cháu Nguyễn Minh T1 có nguyện vọng được sống với ba sau khi ba mẹ ly hôn, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông T vắng mặt và không có bất cứ ý kiến nào về việc muốn nuôi dưỡng cháu T1 sau khi ly hôn, cháu Nguyễn Minh T2 hiện đang còn nhỏ dưới 7 tuổi nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Vậy nên giao các con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn sẽ bảo đảm quyền lợi của phụ nữ, trẻ em khi vợ chồng ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lê Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Minh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về tranh chấp ly hôn, nuôi con của bà Lê Thị H đối với ông Nguyễn Minh T.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H chịu án phí ly hôn theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Đ a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ các Điều 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Minh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 14/2014, quyển số: 03/2009 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 08/4/2014).

2. Về con chung: Buộc ông Nguyễn Minh T giao cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 21/5/2016 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 27/11/2019 cho bà Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, bà Lê Thị H phải tạo điều kiện cho ông Nguyễn Minh T thăm nom con, không ai có quyền cản trở ông Nguyễn Minh T thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Minh T phải cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001053 ngày 17/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

6. Nguyên đơn bà Lê Thị H và bị đơn ông Nguyễn Minh T vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHADS thành phố Dĩ An (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VP, HS (03).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Thanh